DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG XUẤT CẢNH NGÀY 16-17/11/2026

(Kèm theo Công văn số 1235 /TTLĐNN-TCLĐ ngày 12 /11/2026 của Trung tâm Lao động ngoài nước)

Stt	Thẻ tên	Họ và tên	Giới tính	Ngành	Số báo danh	Đăng ký dự tuyển	Ghi chú (Theo đơn vị tỉnh/tp trước ngày 01/7/2025)
1	MA-1	Phạm Đình Hướng	Nam	Sản xuất chế tạo	0082026C90500076	Thành phố Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng
2	MA-2	Nguyễn Văn Luyện	Nam	Sản xuất chế tạo	0082024C50319040	Thanh Hóa	Thanh Hóa
3	MA-3	Tiếu Anh Tuấn	Nam	Sản xuất chế tạo	0082025C50830479	Quảng Trị	Quảng Bình
4	MA-4	Hoàng Huy Hải Hạnh	Nam	Sản xuất chế tạo	0082024C90900243	Phú Thọ	Phú Thọ
5	MA-5	Nguyễn Tiến Đức	Nam	Sản xuất chế tạo	0082024C90900155	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
6	MA-6	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	Sản xuất chế tạo	0082025C90400184	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
7	MA-7	Đinh Xuân Điệp	Nam	Sản xuất chế tạo	0082024C50312539	Ninh Bình	Ninh Bình
8	MA-8	Trương Văn Tú	Nam	Sản xuất chế tạo	0082024C50324187	Nghệ An	Nghệ An
9	MA-9	Phùng Thị Dung	Nữ	Sản xuất chế tạo	0082024C50305513	Thái Nguyên	Thái Nguyên
10	MA-10	Lê Văn Hào	Nam	Sản xuất chế tạo	0082024C50315205	Thanh Hóa	Thanh Hóa
11	MA-11	Nguyễn Văn Đạt	Nam	Sản xuất chế tạo	0082024C50325555	Nghệ An	Nghệ An
12	MA-12	Trần Văn Hùng	Nam	Sản xuất chế tạo	0082024C50319386	Thanh Hóa	Thanh Hóa
13	MA-13	Trần Tuấn Binh	Nam	Sản xuất chế tạo	0082026C90500001	Thành phố Bắc Ninh	Bắc Ninh
14	MA-14	Hoàng Thị Sen	Nữ	Sản xuất chế tạo	0082024C50320401	Thanh Hóa	Thanh Hóa
15	MA-15	Lê Thị Hạnh	Nữ	Sản xuất chế tạo	0082024C50319550	Thanh Hóa	Thanh Hóa
16	MA-16	Lê Thị Lan Hương	Nữ	Sản xuất chế tạo	0082024C50316536	Thanh Hóa	Thanh Hóa
17	MA-17	Lê Thị Linh Khương	Nữ	Sản xuất chế tạo	0082024C50314866	Thanh Hóa	Thanh Hóa
18	MA-18	Nguyễn Thị Hương	Nữ	Sản xuất chế tạo	0082024C50314202	Thanh Hóa	Thanh Hóa
19	MA-19	Trịnh Thị Ngọc	Nữ	Sản xuất chế tạo	0082024C50314769	Thanh Hóa	Thanh Hóa
20	MA-20	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	Sản xuất chế tạo	0082024C50307532	Thành phố Bắc Ninh	Bắc Giang
21	MA-21	Nguyễn Thị Ngà	Nữ	Sản xuất chế tạo	0082024C50323670	Nghệ An	Nghệ An
22	MA-22	Đinh Hồng Dương	Nam	Sản xuất chế tạo	0082024C50325408	Nghệ An	Nghệ An
23	MA-23	Hoàng Ngọc Hiếu	Nam	Sản xuất chế tạo	0082024C50321973	Thanh Hóa	Thanh Hóa
24	MA-24	Nguyễn Văn Sướng	Nam	Sản xuất chế tạo	0082024C50300636	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội
25	MA-25	Nguyễn Văn Quý	Nam	Sản xuất chế tạo	0082024C50319621	Thanh Hóa	Thanh Hóa
26	MA-26	Trần Văn Oai	Nam	Sản xuất chế tạo	0082024C50300320	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội

27	MA-27	Nguyễn Kim Dũng	Nam	Sản xuất chế tạo	0082024C50300471	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội
28	MA-28	Hoàng Văn Phường	Nam	Sản xuất chế tạo	0082026C90500120	Ninh Bình	Ninh Bình
29	MA-29	Dương Mộng Lê	Nữ	Sản xuất chế tạo	0082024C50321292	Thanh Hóa	Thanh Hóa
30	MA-30	Nguyễn Kiều Ngân	Nữ	Sản xuất chế tạo	0082025C50810882	Ninh Bình	Nam Định
31	MA-31	Nguyễn Trọng Duy	Nam	Sản xuất chế tạo	0082024C50323682	Nghệ An	Nghệ An
32	MA-32	Đặng Thái Hoàng	Nam	Sản xuất chế tạo	0082024C50322552	Nghệ An	Nghệ An
33	MA-33	Cao Thị Quỳnh	Nữ	Sản xuất chế tạo	0082024C50318387	Thanh Hóa	Thanh Hóa
34	MA-34	Hoàng Thị Khánh Linh	Nữ	Sản xuất chế tạo	0082024C50323258	Nghệ An	Nghệ An
35	MA-35	Lê Thị Hồng Nhung	Nữ	Sản xuất chế tạo	0082024C50315396	Thanh Hóa	Thanh Hóa
36	MA-36	Phạm Văn Thành	Nam	Sản xuất chế tạo	0082025C50902038	Thanh Hóa	Thanh Hóa
37	MA-37	Nguyễn Hồng Sơn	Nam	Sản xuất chế tạo	0082024C50323659	Nghệ An	Nghệ An
38	MA-38	Lê Xuân Tuấn	Nam	Sản xuất chế tạo	0082024C50319468	Thanh Hóa	Thanh Hóa
39	MA-39	Trần Văn Dũng	Nam	Sản xuất chế tạo	0082025C50819132	Thanh Hóa	Thanh Hóa
40	MA-40	Kiều Văn Linh	Nam	Sản xuất chế tạo	0082025C90400104	Quảng Ngãi	Quảng ngãi
41	MA-41	Trần Văn Thắng	Nam	Sản xuất chế tạo	0082025C50903064	Phú Thọ	Vĩnh Phúc
42	MA-42	Vương Công Tuấn	Nam	Sản xuất chế tạo	0082024C50300211	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội
43	MA-43	Lê Văn Mạnh	Nam	Sản xuất chế tạo	0082026C90500192	Thanh Hóa	Thanh Hóa
44	MA-44	Bùi Xuân Hải	Nam	Sản xuất chế tạo	0082024C50314346	Thanh Hóa	Thanh Hóa
45	MA-45	NGUYỄN NHƯ HOÀNG	Nam	Sản xuất chế tạo	0082025C50824232	Nghệ An	Nghệ An
46	MA-46	Vũ Anh Tuấn	Nam	Sản xuất chế tạo	0082024C50307359	Thành phố Bắc Ninh	Bắc Giang
47	MA-47	Lê Văn Quang	Nam	Sản xuất chế tạo	0082024C50315617	Thanh Hóa	Thanh Hóa
48	MA-48	Nguyễn Thị Mai	Nữ	Sản xuất chế tạo	0082025C50835463	Đắk Lắk	Đắk Lắk
49	MA-49	Trần Thị Mỹ Duyên	Nữ	Sản xuất chế tạo	0082024C50312254	Ninh Bình	Ninh Bình
50	MA-50	Kim Văn Huy	Nam	Sản xuất chế tạo	0082025C50816559	Thanh Hóa	Thanh Hóa
51	AG-1	Lục Văn Đại	Nam	Nông nghiệp	0082024C50370650	Thành phố Bắc Ninh	Bắc Giang
52	AG-2	Nông Quốc Đạt	Nam	Nông nghiệp	0082024C50371063	Thái Nguyên	Bắc Kạn
53	AG-3	Phạm Văn Quyền	Nam	Nông nghiệp	0082024C50371154	Thanh Hóa	Thanh Hóa
54	AG-4	Lê Hoàng Trí	Nam	Nông nghiệp	0082025C50204790	An Giang	Kiên Giang
55	AG-5	Phạm Hữu Ký	Nam	Nông nghiệp	0082025C50200644	Tuyên Quang	Tuyên Quang
56	AG-6	Lê Bá Công	Nam	Nông nghiệp	0082024C50370181	Lào Cai	Lào Cai
57	AG-7	Lương Thị Thấm	Nữ	Nông nghiệp	0082024C50371362	Thanh Hóa	Thanh Hóa

58	AG-8	Lò Khăm Lâm	Nam	Nông nghiệp	0082024C50371492	Thanh Hóa	Thanh Hóa
59	AG-9	Đoàn Duy Khánh	Nam	Nông nghiệp	0082024C50372009	Quảng Trị	Quảng Bình

COLAB